

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GREEN HILL**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GREEN HILL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400833017

**3. Ngày thành lập:** 12/02/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Hàm Long, Xã Tiên Phong, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0976237666

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                          | 1621     |
| 2.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: - Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); | 5510     |
| 3.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                  | 4210     |
| 4.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                         | 4652     |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                            | 4659     |
| 6.  | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                     | 3319     |
| 7.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                    | 3320     |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                     | 4653     |
| 9.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                      | 4100     |
| 10. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                              | 3100     |
| 11. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                      | 4321     |
| 12. | Xuất bản phần mềm<br>Chi tiết: Sản xuất phần mềm tin học;                                                                                  | 5820     |
| 13. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: - Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;                                                          | 4610     |
| 14. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn bất động sản (không bao gồm tư vấn về giá nhà, đất); | 6820     |
| 15. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                             | 4520     |
| 16. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                        | 4542     |

|     |                                                                                                                                                                                                            |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự;                                                                                                | 4649        |
| 18. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                       | 5629        |
| 19. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: - Xây lắp đường dây và trạm điện đến 35KV; - Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, san lấp mặt bằng, thi công nền móng công trình; | 4290(Chính) |
| 20. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);                                                                                     | 5610        |
| 21. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...) (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);                           | 5621        |
| 22. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan                                                                                      | 4661        |
| 23. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                     | 4311        |
| 24. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                          | 4312        |
| 25. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                            | 4322        |
| 26. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                             | 4330        |
| 27. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                        | 4390        |
| 28. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                        | 4651        |
| 29. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                         | 2640        |
| 30. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                 | 3312        |
| 31. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                     | 3313        |
| 32. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                     | 3314        |
| 33. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                                                                                                                  | 3315        |
| 34. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Điều 11 Luật kinh doanh bất động sản 2014)                                     | 6810        |
| 35. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);                                                                                                              | 5630        |
| 36. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;                                                                          | 4730        |
| 37. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                    | 4759        |
| 38. | Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                             | 1610        |

|     |                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 39. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                | 1622 |
| 40. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                | 1623 |
| 41. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện               | 1629 |
| 42. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh | 4741 |
| 43. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                              | 4742 |
| 44. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                         | 2710 |
| 45. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                             | 2610 |
| 46. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                         | 4329 |

**6. Vốn điều lệ:** 200.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN XUÂN BẢNG | Thôn Hàm Long, Xã Tiên Phong, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông | 500.000    | 50.000.000.000        | 25,000    | 121364329                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 500.000    | 50.000.000.000        | 25,000    |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN VĂN NỬA   | Thôn Phú Thịnh, Xã Lãng Sơn, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông | 480.000    | 48.000.000.000        | 24,000    | 121148060                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 480.000    | 48.000.000.000        | 24,000    |                                                                                             |         |
| 3   | ĐỖ MẠNH QUÂN     | Thôn Liên Đức, Xã Nguyên Lý, Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam                    | Cổ phần phổ thông | 1.020.000  | 102.000.000.000       | 51,000    | 035070001429                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 1.020.000  | 102.000.000.000       | 51,000    |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **ĐỖ MẠNH QUÂN**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc*

Sinh ngày: *26/01/1970*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *035070001429*

Ngày cấp: *20/09/2017*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Liên Đức, Xã Nguyên Lý, Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Liên Đức, Xã Nguyên Lý, Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang